

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày: 05/9/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Thịnh
2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quán, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2019/TLST-HS ngày 02/8/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HS ngày 20/8/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh năm 1976 tại Bình Phước; Tên gọi khác: B; Nơi cư trú: tổ 5, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị H (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 02/11/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 04 (bốn) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2019 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Lê Thị Lan, sinh năm 1960

Văn phòng Luật sư Vinh và Tình- Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: tổ 1, khu phố Hưng Phú, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Tiến H sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 3, khu phố L, xã T, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S và Nguyễn Tiến H là nhân viên tiếp tân của dịch vụ nấu đám cưới. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 09/3/2019, H điều khiển xe máy đến nhà S để đón S đi làm, khi H đến nhà S; S nói H chở đi thành phố Hồ Chí Minh và sẽ trả công cho H bằng với 01 ngày công thì H đồng ý (thực tế là S đi để tìm mua ma túy). H chở S đi đến khu vực cầu chữ Y thuộc quận 8, thành phố Hồ Chí Minh thì S kêu H đứng đợi ở chân cầu, còn S đi bộ đến gầm cầu gặp một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch mua ma túy với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, S âm cất giấu ma túy trong người và kêu H chở về nhà tại thị xã B, tỉnh Bình Phước, khi đi đến khu vực cổng chào Trung tâm hành chính huyện H, tỉnh Bình Phước thì bị lực lượng công an kiểm tra, phát hiện trong túi quần của S có 01 gói băng keo giấy màu nâu bên trong có 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng S khai nhận là ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản và niêm phong vật chứng có sự chứng kiến của bị cáo, Công an thị trấn T và người làm chứng sau đó đưa đi giám định.

Căn cứ kết luận giám định số 70/2019/GĐ-MT ngày 14/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng có trong 02 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 5,7712g, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 31 tháng 7 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố bảo vệ quan điểm của bản cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S mức án tù 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là 5,4186g; trả cho bị cáo Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3.1 màu trắng và số tiền 230.000đ (hai trăm ba mươi ngàn đồng); tịch thu, tiêu hủy 01 túi xách màu đen có kí hiệu hình cá sấu, 01 miếng băng keo giấy màu nâu.

Người bào chữa cho bị cáo bào chữa:

Về tội danh: Thống nhất như nội dung của bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện H Quản.

Về phần hình phạt: Bị cáo là người bị hạn chế về năng lực hành vi, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo với mức án 4 năm tù.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của Luật sư và không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn S khai nhận: Do nghiện ma túy từ lâu nên S thường mua ma túy của một số đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch để sử dụng. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 09/3/2019, S nhờ H chở đi thành phố Hồ Chí Minh có việc và sẽ trả công cho H thì H đồng ý (thực tế là S đi để tìm mua ma túy). H chở S đi đến khu vực cầu chữ Y thuộc quận 8, thành phố Hồ Chí Minh thì S đã mua ma túy của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch mua ma túy với số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, H chở S về nhà

tại thị xã B, tỉnh Bình Phước, khi đi đến khu vực cổng chào Trung tâm hành chính huyện H, tỉnh Bình Phước thì bị lực lượng công an kiểm tra, phát hiện thu giữ 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng.

Sau khi giám định tinh thể màu trắng có trong 02 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 5,7712g, loại Methamphetamine.

Nguyễn Văn S khai nhận toàn bộ số ma túy đã mua nhằm mục đích để sử dụng, ngoài ra không có mục đích gì khác.

Đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S có đầy đủ yếu tố cấu thành tội :“Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các loại chất gây nghiện, đi ngược lại đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc đấu tranh phòng ngừa các tội phạm về ma túy, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, đồng thời là mầm mống của các tệ nạn xã hội khác. Bị cáo là người đã thành niên và hoàn toàn nhận thức được hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 04 (bốn) năm tù về hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị cáo đã chấp hành án xong. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội lần này thì bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để thay đổi bản thân mà bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo không có ý thức tuân thủ pháp luật. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Theo kết luận số 322/KL-VPYTW của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận tại thời điểm gây án và hiện nay bị cáo Nguyễn Văn S bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Đồng thời, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với ý kiến bào chữa của Luật sư cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung thời hạn 4 (bốn) năm tù. Hội đồng xét xử nhận thấy tuy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng trước đó bị cáo cũng đã từng bị xét xử 4 (bốn) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tính đến ngày bị cáo phạm tội lần này tuy đã đương nhiên xóa án tích nhưng điều này cho thấy nhân thân bị cáo không tốt nên không có căn cứ xử phạt bị cáo dưới khung theo quy định của Bộ luật hình sự nên ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo không được chấp nhận

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà áp dụng hình phạt tù có thời hạn là cần thiết phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Vật chứng vụ án: Số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại 5,4186g là chất cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

01 điện thoại di động Nokia 130 màu đen; 01 điện thoại di động Nokia 3.1 màu trắng và số tiền 230.000đ (hai trăm ba mươi ngàn đồng) là tài sản hợp pháp của bị cáo S, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

01 túi xách màu đen có kí hiệu hình cá sấu và 01 miếng băng keo dán giấy màu nâu không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm q, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày 09/3/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy sau khi đem đi giám định còn lại 5,4186gam được niêm phong trong bì thư.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn S 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen, IMEI1 354874/08/027100/0; 01 điện thoại di động Nokia 3.1 màu trắng, IMEI1 353378095433283(không kiểm tra tình trạng của điện thoại) và số tiền 230.000đ (hai trăm ba mươi ngàn đồng).

Tịch thu, tiêu hủy 01 túi xách màu đen có kí hiệu hình cá sấu và chữ TULANGE và 01 miếng băng keo dán giấy màu nâu.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005641 ngày 23/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước).

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Liêm